Câu 1.

Hoạt động hô hấp có vai trò gì?

A. Cung cấp oxi cho tế bào để tổng hợp các chất hữu cơ

B. Thải loại khí cacbonic ra khỏi cơ thể

C. Làm sạch và làm ẩm không khí, bảo vệ phổi khỏi các tác nhân có hại

D. Cung cấp oxi cho tế bào để phân giải các chất hữu cơ, tạo năng lượng dùng cho mọi hoạt động sống, đồng thời loại cacbonic do tế bào thải ra ngoài cơ thể

Câu 2.

Bộ phận nào dưới đây ngoài chức năng hô hấp còn kiêm thêm vai trò khác?

A. Khí quản

B. Thanh quản

C. Phổi

D. Phế quản

Câu 3.

Đơn vị cấu tạo của phổi là:

A. Phế nang

B. Phế quản

C. 2 lá phổi

D. Đường dẫn khí

Câu 4.

Quá trình hô hấp bao gồm:

A. Sự thở và sự trao đổi khí ở phổi

B. Sự thở và sự trao đổi khí ở tế bào

C. Sự trao đổi khí ở phổi và sự trao đổi khí ở tế bào

D. Sự thở, sự trao đổi khí ở tế bào và sự trao đổi khí ở phổi.

Câu 5.

Vì sao phổi phải có số lượng phế nang lớn, khoảng 700- 800 triệu phế nang?

A. Nhằm tăng lượng khí hít vào

B. Nhằm tăng diện tích bề mặt trao đổi khí

C. Tăng tính đàn hồi của mô phổi

D. Giúp thở sâu hơn

Câu 6.

Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với

A. Họng và phế quản.

B. Phế quản và mũi.

C. Họng và thanh quản

D. Thanh quản và phế quản.

Câu 7.

Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp?

A. Phổi

B. Thực quản

C. Khí quản

D. Phế quản

Câu 8.

Đường dẫn khí không chứa cơ quan nào dưới đây:

A. Tim

B. Thanh quản

C. Mũi

D. phế quản

Câu 9.

Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì ?

A. Sử dụng khí nitơ và loại thải khí cacbônic

B. Sử dụng khí cacbônic và loại thải khí ôxi

C. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí cacbônic

D. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí nitơ

Câu 10.

Dung tích sống phụ thuộc:

A. Giới tính, tầm vóc, tình trạng sức khỏe

B. Chế độ ăn hàng ngày

C. Chỉ số IQ của mỗi người

D. Chỉ số EQ của người đó

Câu 11.

Thành phần không khí khi hít vào có:

A. Nồng độ O2 cao hơn, nồng độ CO2 thấp hơn khí thở ra

B. Nồng độ O2 thấp hơn, nồng độ CO2 cao hơn khí thở ra

C. Nồng độ O2 cao hơn, nồng độ CO2 bằng khí thở ra

D. Nồng độ O2 và CO2 bằng khí thở ra

Câu 12.

Bộ phận nào của đường hô hấp có vai trò chủ yếu là bảo vệ, diệt trừ các tác nhân gây hại?

A. Phế quản

B. Khí quản

C. Thanh quản

D. Họng

Câu 13.

Phế nang có đặc điểm:

A. Nhỏ và nằm rải rác trong phổi

B. Có nhiều mạch máu tới để trao đổi khi

C. Có lớp biểu bì rất dày để bảo vệ phổi

D. To và chưa được nhiều khí

Câu 14.

Nhịp hô hấp là:

A. Số lần cử động hô hấp được trong 1 giây

B. Số lần cử động hô hấp được trong 1 phút

C. Số lần hít vào được trong 1 phút

D. Số lần thở ra được trong 1 phút

Câu 15.

Khi chúng ta hít vào, cơ liên sườn ngoài và cơ hoành sẽ ở trạng thái nào ?

A. Cơ liên sườn ngoài dãn còn cơ hoành co

B. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều dãn

C. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều co

D. Cơ liên sườn ngoài co còn cơ hoành dãn

Câu 16.

Sự thay đổi thể tích lồng ngực khi hít vào thở ra đó là:

A. Khi hít vào thể tích lồng ngực tăng và khi thở ra thể tích lồng ngực giảm

B. Khi hít vào thể tích lồng ngực giảm và khi thở ra thể tích lồng ngực tăng

C. Cả khi hít vào và thở ra thể tích lồng ngực đều tăng

D. Cả khi hít vào và thở ra thể tích lồng ngực đều giảm

Câu 17.

Trong quá trình trao đổi khí ở phổi, loại khí nào sẽ khuếch tán từ máu vào không khí ở phế nang ?

A. Khí nitơ

B. Khí cacbônic

C. Khí ôxi

D. Khí hiđrô

Câu 18.

Trong quá trình trao đổi khí ở phổi, loại khí nào sẽ khuếch tán từ không khí ở phế nang vào máu?

A. Khí nitơ

B. Khí cacbônic

C. Khí ôxi

D. Khí hiđrô

Câu 19.

Ở người, một cử động hô hấp được tính bằng

A. hai lần hít vào và một lần thở ra.

B. một lần hít vào và một lần thở ra.

C. một lần hít vào hoặc một lần thở ra.

D. một lần hít vào và hai lần thở ra.

Câu 20.

Hoạt động hô hấp của người có sự tham gia tích cực của những loại cơ nào ?

A. Cơ lưng xô và cơ liên sườn

B. Cơ ức đòn chũm và cơ hoành

C. Cơ liên sườn và cơ nhị đầu

D. Cơ liên sườn và cơ hoành

Câu 21.

Quá trình trao đổi khí ở người diễn ra theo cơ chế:

A. Bổ sung

B. Chủ động

C. Thẩm thấu

D. Khuếch tán

Câu 22.

Trao đổi khí ở tế bào bao gồm các quá trình:

A. Trao đổi khí ở tế bào là sự khuếch tán của O2 từ máu vào tế bào.

B. Trao đổi khí ở tế bào là sự khuếch tán của CO2 từ tế bào vào máu.

C. Trao đổi khí ở tế bào gồm sự khuếch tán của CO2 từ máu vào tế bào và của O2 từ tế bào vào máu.

D. Trao đổi khí ở tế bào gồm sự khuếch tán của O2 từ máu vào tế bào và của CO2 từ tế bào vào máu.

Câu 23.

Vai trò của sự thông khí ở phổi.

A. Giúp cho không khí trong phổi thường xuyên được đổi mới.

B. Tạo đường cho không khí đi vào.

C. Tạo đường cho không khí đi ra

D. Vận chuyển không khí trong cơ thể.

Câu 24.

Lượng khí cặn nằm trong phổi người bình thường có thể tích khoảng bao nhiêu ?

A. 500 – 700 ml.

B. 1200 – 1500 ml.

C. 800 – 1000 ml.

D. 1000 – 1200 ml.

Câu 25.

Tác nhân nào chiếm chỗ của oxi trong máu (hồng cầu), làm giảm hiệu quả hô hấp, có thể gây chết?

A. Cacbon oxit

B. Lưu huỳnh oxit

C. Nito oxit

D. Bụi

Câu 26.

Hiệu quả trao đổi khí có mối liên hệ mật thiết với trạng thái và khả năng hoạt động của hệ cơ quan nào ?

A. Hệ tiêu hoá

B. Hệ sinh dục

C. Hệ bài tiết

D. Hệ tuần hoàn

Câu 27. Loại khí nào dưới đây thường gây viêm, sưng lớp niêm mạc, cản trở trao đổi khí và có thể gây chết người khi dùng với liều cao ?

A. N2

B. O2

C. H2

D. NO2

Câu 28.

Loại khí nào dưới đây không độc hại đối với con người ?

A. N2

B. NO2

C. CO

D. NO

Câu 29.

Chất độc nào dưới đây có nhiều trong khói thuốc lá ?

A. Hêrôin

B. Côcain

C. Moocphin

D. Nicôtin

Câu 30.

Bệnh nào dưới đây được xem là một trong Tứ chứng nan y của nền Y học cổ ?

A. Tiểu đường

B. Ung thư

C. Lao phổi

D. Thống phong

Câu 31.

Chọn phát biểu không đúng trong các ý sau đây?

A. Dung tích sống là thể tích lớn nhất của lượng không khí mà một cơ thể hít vào và thở ra

B. Luyện tập thể dục, thể thao đúng cách, đều đặn sẽ có dung tích sống lí tưởng

C. Ngủ nhiều và tăng nhịp thở sẽ tăng được hiệu quả hô hấp

D. Khi CO chiếm chỗ O2 trong hồng cầu làm giảm hiệu quả hô hấp

Câu 32.

Vì sao công nhân làm trong các hầm mỏ than có nguy cơ bị mắc bệnh bụi phổi cao?

A. Môi trường làm việc có bụi than, cứ hít vào là sẽ mắc bệnh

B. Môi trường làm việc quá sức nên dễ bị bệnh

C. Hệ bài tiết không bài tiết hết bụi than hít vào

D. Vì hít vào nhiều bụi than, hệ hô hấp không thể lọc sạch hết được

Câu 33.

Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ tế bào vào máu ?

A. Khí nitơ

B. Khí cacbônic

C. Khí ôxi

D. Khí hiđrô

Câu 34.

Khi chúng ta thở ra thì

A. cơ liên sườn ngoài co.

B. cơ hoành co.

C. thể tích lồng ngực giảm.

D. thể tích lồng ngực tăng.

Câu 35.

Tại sao người có nhóm máu O có thể truyền cho người có nhóm máu AB mà người có nhóm máu AB không thể truyền cho người có nhóm máu O

A. Vì người mang nhóm máu O có cả 2 loại kháng nguyên còn người mang nhóm máu AB không mang loại kháng nguyên nào cả.

B. Vì người mang nhóm máu AB có cả 2 loại kháng nguyên còn người mang nhóm máu O không mang loại kháng nguyên nào cả.

C. Vì người mang nhóm máu O và AB đều có cả 2 loại kháng nguyên

D. Vì người mang nhóm máu O và AB đều không có cả 2 loại kháng nguyên

Câu 36.

Sự đông máu có ý nghĩa nào đối với cơ thể?

A. Giúp cơ thể tự bảo vệ chống mất nhiều máu khi bị thương

B. Giúp cơ thể giảm thân nhiệt

C. Giúp cơ thể tiêu diệt nhanh các loại vi khuẩn

D. Giúp cơ thể không mất nước

Câu 37.

Khối máu đông trong sự đông máu bao gồm:

A. Huyết tương và các tế bào máu

B. Tơ máu và các tế bào máu

C. Tơ máu và hồng cầu

D. Bạch cầu và tơ máu

Câu 38.

Phát biểu nào dưới đây là đúng ?

A. Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại nước mô.

B. Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết tương.

C. Huyết tương khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết thanh.

D. Nước mô khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết tương.

Câu 39.

Người mang nhóm máu A có thể truyền cho người mang nhóm máu nào dưới đây?

A. Nhóm máu A

B. Nhóm máu B

C. Nhóm máu AB

D. Cả nhóm máu A và AB

Câu 40.

Trong hệ nhóm máu ABO, có bao nhiêu nhóm máu không mang kháng thể alpha?

A. 4

B. 1

C. 3

D. 2

Câu 41.

Vì sao máu nhiễm tác nhân gây bệnh (HIV, virut viêm gan B, virtu viêm gan C,...) vì dù có tương thích cũng không đem truyền cho người khác?

A. Vì nếu truyền máu thì người nhận sẽ bị kết dính hồng cầu do các tác nhân gây bệnh kích thích sự ngưng kết trong lòng mạch

B. VÌ nếu truyền máu thì người nhận sẽ bị nhiễm các tác nhân trên và phát sinh những bệnh tương ứng

C. Vì nếu truyền máu thì người nhận sẽ bị nhiễm các tác nhân trên và phát sinh những bệnh tương ứng

D. Vì máu có virut sẽ làm loãng máu của người nhận

Câu 42.

Người mang nhóm máu AB có thể truyền máu cho người mang nhóm máu nào mà không xảy ra sự kết dính hồng cầu ?

A. Nhóm máu O

B. Nhóm máu AB

C. Nhóm máu A

D. Nhóm máu B

Câu 43.

Phát biểu nào dưới đây là đúng ?

A. Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại nước mô.

B. Huyết thanh khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết tương.

C. Huyết tương khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết thanh.

D. Nước mô khi loại bỏ chất sinh tơ máu thì còn lại huyết tương.

Câu 44.

Loại tế bào máu nào đóng vai trò chủ chốt trong quá trình đông máu?

A. Hồng cầu

B. Bạch cầu

C. Tiểu cầu

D. Mô cầu

Câu 45.

 Hệ bạch huyết bao gồm:

A. ống bạch huyết, mạch bạch huyết

B. hạch bạch huyết, mao mạch bạch huyết

C. ống bạch huyết, hạch bạch huyết, mao mạch bạch huyết

D. ống bạch huyết, mạch bạch huyết, hạch bạch huyết, mao mạch bạch huyết.

Câu 46.

Vòng tuần hoàn nhỏ đi qua cơ quan nào dưới đây?

A. Dạ dày

B. Gan

C. Phổi

D. Não

Câu 47.

Sau khi luân chuyển trong hệ bạch huyết, dịch bạch huyết sẽ được đổ trực tiếp vào bộ phận nào của hệ tuần hoàn?

A. Tĩnh mạch

B. Động mạch

C. Tim

D. Mao mạch

Câu 48.

Hệ tuần hoàn được cấu tạo từ

A. Tim và hệ mạch

B. Tim và động mạch

C. Tim và tĩnh mạch

D. Tim và mao mạch

Câu 49.

Trong hệ bạch huyết của người, phân hệ lớn không thu bạch huyết ở

A. nửa trên bên phải cơ thể.

B. nửa dưới bên phải cơ thể.

C. nửa trên bên trái và phần dưới cơ thể.

D. nửa dưới bên phải và phần trên cơ thể.

Câu 50.

Bệnh xơ vữa động mạch có mối liên hệ mật thiết với loại lipit nào dưới đây ?

A. Phôtpholipit

B. Ơstrôgen

C. Côlesterôn

D. Testosterôn

Câu 51.

Tĩnh mạch phổi đổ máu trực tiếp vào ngăn tim nào?

A. Tâm thất phải

B. Tâm nhĩ trái

C. Tâm nhĩ phải

D. Tâm thất trái

Câu 52.

Ở người, loại mạch nào dưới đây vận chuyển máu đỏ thẫm ?

A. Động mạch cảnh

B. Động mạch đùi

C. Động mạch cửa gan

D. Động mạch phổi

Câu 53.

 Nguyên nhân chủ yếu làm cho máu lưu thông trong hệ mạch?

A. Sự co dãn của tim

B. Sự co dãn của thành mạch

C. Sự co rút của các cơ quan thành mạch

D. Sự co dãn của lồng ngực

Câu 54.

Vòng tuần hoàn lớn không đi qua cơ quan nào dưới đây ?

A. Dạ dày

B. Gan

C. Phổi

D. Não

Câu 55.

Tâm thất trái nối liền trực tiếp với loại mạch nào dưới đây ?

A. Tĩnh mạch phổi

B. Động mạch phổi

C. Động mạch chủ

D. Tĩnh mạch chủ

Câu 56.

Loại sụn nào có chức năng đậy kín đường hô hấp khi nuốt thức ăn làm ngăn chặn thức ăn chui vào đường hô hấp?

A. Sụn nhẫn

B. Sụn thanh thiệt

C. Sụn giáp trạng

D. Sụn đầu các khớp xương

Câu 57.

Khi mạch máu bị vỡ, loại ion khoáng nào dưới đây sẽ tham gia tích cực vào cơ chế hình thành khối máu đông?

A. Cl−

B. Ca2+

C. Na+

D. Ba2+

Câu 58.

Loại mạch máu nào dưới đây có chức năng nuôi dưỡng tim ?

A. Động mạch dưới đòn

B. Động mạch dưới cằm

C. Động mạch vành

D. Động mạch cảnh trong

Câu 59.

Các pha trong mỗi chu kì tim diễn ra theo trình tự trước sau như thế nào ?

A. Pha thất co – pha dãn chung – pha nhĩ co

B. Pha dãn chung – pha thất co – pha nhĩ co

C. Pha thất co – pha nhĩ co – pha dãn chung

D. Pha nhĩ co – pha thất co – pha dãn chung

Câu 60.

Máu mang oxi và chất dinh dưỡng đi nuôi cơ thể được xuất phát từ ngăn nào của tim?

A. Tâm nhĩ phải

B. Tâm thất phải

C. Tâm nhĩ trái

D. Tâm thất trái

Câu 61.

Khi tâm thất phải co, máu được bơm đến bộ phận nào ?

A. Tĩnh mạch phổi

B. Tĩnh mạch chủ

C. Động mạch chủ

D. Động mạch phổi

Câu 62.

Điều nào sau đây không đúng khi nói về tim:

A. Tim có 4 ngăn

B. Tim hình chóp, đỉnh nằm dưới, đáy hướng lên trên và hơi lệch về phía bên trái.

C. Tim có thành tâm nhĩ dày hơn thành tâm thất

D. Giữa tâm thất với tâm nhĩ và tâm thất với động mạch có van

Câu 63.

Loại mạch nào có lòng trong hẹp nhất

A. Động mạch chủ

B. Tĩnh mạch

C. Mao mạch

D. Động mạch phổi

Câu 64.

Loại mạch nào có 3 lớp: mô liên kết, mô cơ trơn dày, mô biểu bì?

A. Động mạch

B. Tĩnh mạch

C. Mao mạch

D. Mạch bạch huyết

Câu 65.

Ở người, loại mạch nào là nơi xảy ra sự trao đổi chất với tế bào ?

A. Mao mạch

B. Tĩnh mạch

C. Động mạch

D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 66.

Khi nói về tim, phát biểu nào sau đây không đúng?

A. Thành tâm thất dày hơn thành tâm nhĩ

B. Thành tâm thất trái dày hơn thành tâm thất phải

C. Thành tim dày sẽ tạo áp lực để đẩy máu vào động mạch

D. Nhờ có van tim nên máu di chuyển một chiều từ động mạch đến tâm thất xuống tâm nhĩ

Câu 67.

Ở người bình thường, thời gian tâm thất nghỉ trong mỗi chu kì tim là bao lâu ?

A. 0,6 giây

B. 0,4 giây

C. 0,5 giây

D. 0,3 giây

Câu 68.

Loại mạch nào có chức năng dẫn máu từ khắp các tế bào về tim, vận tốc máu và áp lực nhỏ.

A. Động mạch

B. Tĩnh mạch

C. Mao mạch

D. Mạch bạch huyết

Câu 69.

Bệnh liên quan đến hệ tuần hoàn là:

A. Lao phổi

B. Tiêu chảy

C. Viêm khớp

D. Xơ vữa mạch máu

Câu 70.

Huyết áp tối đa đo được khi:

A. Tâm nhĩ dãn

B. Tâm thất co

C. Tâm thất dãn

D. Tâm nhĩ co

Câu 71.

Loại đồ ăn nào dưới đây đặc biệt có lợi cho hệ tim mạch ?

A. Kem B. Pizza C. Cá hồi D. Gà rán KFC

Câu 72.

Ở người bình thường, trung bình mỗi chu kì thì tim nghỉ ngơi hoàn toàn trong bao lâu ?

A. 0,3 giây B. 0,4 giây C. 0,5 giây D. 0,1 giây

Câu 73.

Ở người bình thường, trung bình mỗi phút tim đập bao nhiêu lần ?

A. 85 lần

B. 75 lần

C. 60 lần

D. 90 lần

Câu 74.

 Trong hệ mạch máu của con người, tại vị trí nào người ta đo được huyết áp lớn nhất ?

A. Động mạch cảnh ngoài

B. Động mạch chủ

C. Động mạch phổi

D. Động mạch thận.

Câu 75.

Bệnh nào dưới đây có thể gây ra nhiều biến chứng nguy hiểm ở hệ tim mạch ?

A. Bệnh nước ăn chân

B. Bệnh tay chân miệng

C. Bệnh thấp khớp

D. Bệnh á sừng

Câu 76.

Ở động mạch, máu được vận chuyển nhờ:

A. Sức hút của tâm nhĩ và sự co dãn của động mạch

B. Sức đẩy của tim và sự co dãn của động mạch

C. Sức hút của lồng ngực khi hít vào vào và sức đẩy của tim

D. Sự co bóp của cac cơ bắp quanh thành mạch và sức đẩy của tim

Câu 77.

Tại sao tim làm việc cả đời không biết mệt mỏi

A. vì thời gian làm việc xen kẽ với thời gian nghỉ ngơi hợp lý

B. Vì tim nhỏ

C. Vì khối lượng máu nuôi tim nhiều chiếm 1/10 trên cơ thể

D. Vì tim làm việc theo chu kì

Câu 78.

Một người được xem là mắc bệnh cao huyết áp khi

A. huyết áp tối thiểu > 90 mmHg, huyết áp tối đa > 140 mmHg.

B. huyết áp tối thiểu > 120 mmHg, huyết áp tối đa > 160 mmHg.

C. huyết áp tối thiểu > 100 mmHg, huyết áp tối đa > 160 mmHg.

D. huyết áp tối thiểu > 90 mmHg, huyết áp tối đa > 120 mmHg.

Câu 79.

Mao mạch có điểm gì đặc biệt để tăng hiệu quả trao đổi chất với tế bào ?

A. Vận tốc dòng máu chảy rất chậm, thành mạch chỉ được cấu tạo bởi một lớp biểu bì

B. Vì mao mạch không có lớp cơ co bóp

C. Mao mạch có biểu bì

D. Mao mạch nhỏ và nhiều

Câu 80.

Máu lưu thông trong động mạch không nhờ vào yếu tố nào dưới đây ?

A. Sự co dãn của thành mạch

B. Sức đẩy của tim

C. Sự liên kết của dịch tuần hoàn

D. Sự co thắt của thực quản